

TẠP CHÍ



NGHIÊN CỨU

Đông Nam Á

ISSN 0868-2739

SOUTHEAST ASIAN STUDIES



SỐ 2 (299)
2025

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU Đông Nam Á

Số 2

2025

TẠP CHÍ RA 1 THÁNG 1 KỶ

ISSN 0868-2739

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐÔNG NAM Á - VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

MỤC LỤC

TỔNG BIÊN TẬP
TS. NGUYỄN NGỌC LAN

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

Chủ tịch

PGS.TS. NGUYỄN HUY HOÀNG

Ủy viên

PGS.TS. NGUYỄN DUY DŨNG

PGS.TS. DƯƠNG VĂN HUY

PGS.TS. NGUYỄN DUY LỢI

PGS.TS. VĂN NGỌC THÀNH

GS.TS. HOÀNG KHẮC NAM

GS.TS. NGUYỄN VĂN KIM

PGS.TSKH. TRẦN KHÁNH

TS. NGUYỄN NGỌC LAN

TS. VÕ XUÂN VINH

TS. LÊ ĐÌNH TÍNH

VÕ XUÂN VINH

Triển vọng và giải pháp thúc đẩy hợp tác giữa
Campuchia, Lào, Việt Nam trong thời gian tới

3

LÊ HOÀNG ANH

Hợp tác Nhật Bản - ASEAN trong triển khai
sáng kiến AZEC

13

NGUYỄN THỊ TÚ ANH, NGUYỄN HOÀNG BÁCH LINH

Văn hoá Óc Eo trong mối quan hệ với khu vực
Đông Nam Á và Nam Á: Khảo cứu qua một số
loại hình di vật tiêu biểu

21

NGUYỄN NGỌC LAN, TRẦN KHÁNH

Kinh nghiệm ứng xử của Myanmar và Mông Cổ
khi sống cạnh Trung Quốc và hàm ý cho Việt Nam

31

HÀ THỊ ĐAN

Phật giáo trong văn học dân gian ở các nước
Đông Nam lục địa

39

LÊ THỊ HOÀ, NGUYỄN THỊ LÝ, PHẠM THỊ MÙI

Giảng dạy tiếng Trung ở Lào và tác động
đến việc giảng dạy tiếng Việt ở Lào

47

NGUYỄN THỊ HỒNG LAM

Quá trình phát triển hệ thống giáo dục quốc gia
của Malaysia

57

TRẦN KHÁNH, LÊ PHƯƠNG HOÀ

Thúc đẩy đối ngoại láng giềng của Việt Nam
trong bối cảnh mới

65

HUỲNH TÂM SÁNG, NGUYỄN VÕ THÀNH ĐẠT

"Ngoại giao tuần duyên" của Nhật Bản đối với
Việt Nam giai đoạn 2012 - 2022

74

Hoạt động khoa học

Tọa đàm "Thúc đẩy nông nghiệp thông minh
vì An ninh lương thực khu vực"

85

Điểm sách

Hedging Strategies in Southeast Asia: ASEAN,
Malaysia, the Philippines, and Vietnam and their
Relations with China (Chiến lược phòng ngừa rủi ro
ở Đông Nam Á: quan hệ giữa ASEAN, Malaysia,
Philippines và Việt Nam với Trung Quốc)

87

Tòa soạn: 176 Thái Hà - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 0243.6824106

Email: tapchidna@gmail.com

Giấy phép xuất bản số 310/GP-BTTTT,
ngày 29/8/2023

In tại: Công ty in Giao thông
NXB Giao thông vận tải

Giá bán: 35.000 đ

CONTENTS

EDITOR-IN-CHIEF

NGUYEN NGOC LAN

EDITORIAL BOARD

CHAIRMAN

NGUYEN HUY HOANG

MEMBERS

NGUYEN DUY DUNG

DUONG VAN HUY

NGUYEN DUY LOI

VAN NGOC THANH

HOANG KHAC NAM

NGUYEN VAN KIM

TRAN KHANH

NGUYEN NGOC LAN

VO XUAN VINH

LE DINH TINH

VO XUAN VINH

The Prospects and Solutions to Promote Cooperation between Cambodia, Laos, and Vietnam in the Coming Time **3**

LE HOANG ANH

Japan-ASEAN Cooperation in Implementing the AZEC Initiative **13**

NGUYEN THI TU ANH, NGUYEN HOANG BACH LINH

The Oc Eo Culture in Relation to Southeast Asia and South Asia: A Study through some Representative Types of Artifacts **21**

NGUYEN NGOC LAN, TRAN KHANH

The Behavioral Experience of Myanmar and Mongolia When Living Next to China and its Implications for Vietnam **31**

HA THI DAN

Buddhism in Folk Literature of Mainland Southeast Asian Countries **39**

LE THI HOA, NGUYEN THI LY, PHAM THI MUI

Teaching Chinese in Laos and its Impact on Vietnamese Teaching in Laos **47**

NGUYEN THI HONG LAM

Malaysia's National Education System Development **57**

TRAN KHANH, LE PHUONG HOA

Vietnam's Promotion of Neighboring Foreign Relations in the New Context **65**

HUYNH TAM SANG, NGUYEN VO THANH DAT

The "Coast Guard Diplomacy" of Japan towards Vietnam during the Period 2012 - 2022 **74**

Scientific Activities

Seminar: "Promoting Smart Agriculture for Regional Food Security" **85**

Book Review

Hedging Strategies in Southeast Asia: ASEAN, Malaysia, the Philippines, and Vietnam and their Relations with China **87**

Editorial Office

No 176 Thai Ha - Dong Da - Hanoi

Tel: 0243. 6824106

Email: tapchidna@gmail.com

KINH NGHIỆM ỨNG XỬ CỦA MYANMAR VÀ MÔNG CỔ KHI SỐNG CẠNH TRUNG QUỐC VÀ HÀM Ý CHO VIỆT NAM*

NGUYỄN NGỌC LAN**
TRẦN KHÁNH***

Tóm tắt: Quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc, trong đó có cách ứng xử giữa các nước láng giềng gắn liền với sự phát triển của nền văn minh nhân loại. Chúng đóng vai trò quyết định trong việc duy trì hòa bình, hợp tác cùng phát triển và quản lý xung đột không chỉ với các quốc gia đó mà với cả khu vực và thế giới. Mỗi quan hệ giữa nước lớn - nước nhỏ chung đường biên giới có ảnh hưởng đặc biệt đối với an ninh và phát triển, nhất là đối với các nước nhỏ bởi chúng không chỉ chi phối bởi ý chí, tư duy của các chính thể cầm quyền, vào tương quan sức mạnh quốc gia, mà còn bị tác động lớn từ yếu tố tự nhiên, dân số, lịch sử, văn hóa và môi trường địa chính trị, kinh tế, tập quán, luật lệ và lý luận quốc tế. Thông qua tìm hiểu mối quan hệ, nhất là cách ứng xử của Myanmar và Mông Cổ đối với Trung Quốc theo dòng lịch sử, có thể rút ra một số nhận định và bài học cho Việt Nam.

Từ khóa: quan hệ, ứng xử, nước lớn, nước nhỏ, Myanmar, Mông Cổ, Trung Quốc, Việt Nam

THE BEHAVIORAL EXPERIENCE OF MYANMAR AND MONGOLIA WHEN LIVING NEXT TO CHINA AND ITS IMPLICATIONS FOR VIETNAM

Abstract: The relationships between nations and ethnic groups, including the interactions between neighboring countries, are closely tied to the development of human civilization. They play a decisive role in maintaining peace, promoting cooperation for mutual development, and managing conflicts, not only with the concerned countries but also with the region and the world. The relationship between large and small countries sharing borders has a particularly significant impact on security and development, especially for smaller countries, as it is influenced not only by the will and thinking of the ruling governments and the balance of national power but also by factors such as natural conditions, population, history, culture, and the geopolitical, economic environment, customs, laws, and international theories. By studying the relationships, particularly the ways Myanmar and Mongolia have interacted with China throughout history, certain observations and lessons can be drawn for Vietnam.

Keywords: relations, behavior, large country, small country, Myanmar, Mongolia, China, Vietnam

* Bài viết là sản phẩm của Nhiệm vụ khoa học cấp Bộ: "Kinh nghiệm sống cạnh siêu cường và hàm ý chính sách cho Việt Nam" do TS. Nguyễn Ngọc Lan chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á chủ trì.

** TS. Nguyễn Ngọc Lan, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

** PGS.TSKH. Trần Khánh, Viện Phương Đông, Đại học Thành Đô

Mở đầu

Cách ứng xử của một quốc gia với một đối tác hay chủ thể nào ngoài biên giới của nước mình, trước hết là quan hệ với các nước láng giềng là một bộ phận cấu thành của hệ thống quan hệ quốc tế. Các ứng xử đó bị chi phối bởi nhiều yếu tố, từ tương quan sức mạnh tổng hợp quốc gia, truyền thống văn hóa đối ngoại và kinh nghiệm lịch sử, quan hệ văn hóa, tộc người, luật lệ và bối cảnh quốc tế, và đặc biệt là phụ thuộc vào tư duy, tầm nhìn và hành động chiến lược của giới tinh hoa, cầm quyền của mỗi nước. Trong quan hệ láng giềng với các nước lớn, nhà nước đưa ra và thực hiện các chính sách dựa trên mục tiêu, lợi ích quốc gia, căn cứ vào thế và lực bên trong và bên ngoài quốc gia và thường được điều chỉnh, thích ứng qua từng thời kỳ, giai đoạn khác nhau. Tuy nhiên, không phải quốc gia nào cũng xử lý tốt các mối quan hệ quốc tế, nhất là trong quan hệ với láng giềng nước lớn và hệ quả của chúng mang lại tác động khác nhau đối với không gian chiến lược cho an ninh, phát triển của mỗi nước, khu vực và toàn cầu. Thông qua tìm hiểu mối quan hệ và cách ứng xử của Myanmar và Mông Cổ đối với Trung Quốc có thể rút ra một số bài học cho Việt Nam.

1. Kinh nghiệm sống cạnh Trung Quốc của Myanmar

Myanmar là nước láng giềng phía Nam của Trung Quốc có mối quan hệ lâu đời và khá bền chặt trên tất cả các lĩnh vực. Giống các nước xung quanh Trung Quốc, Myanmar nhận thức rõ khái niệm “Thiên hạ” của Trung Quốc. Để duy trì nền độc lập, hạn chế sự xâm lược và can thiệp từ đế chế Trung Hoa, Myanmar từ thời cổ đại đã tham gia vào hệ thống “triều cống” với Trung Quốc. Tuy nhiên, từ năm 1885, khi

thực dân Anh áp đặt hệ thống thuộc địa toàn bộ lãnh thổ Myanmar, chế độ phong kiến tập quyền tại đây sụp đổ, quan hệ “sắc phong, triều cống” với Trung Hoa chấm dứt. Myanmar bị sáp nhập thành một tỉnh của thuộc địa Anh tại Ấn Độ. Mối quan hệ về mặt nhà nước của Myanmar với Trung Quốc do người Anh nắm giữ. Từ đây, quan hệ tổng thể giữa Myanmar và Trung Quốc có phần suy giảm và giới tinh hoa của Myanmar trở nên có tư tưởng khép kín, biệt lập và bài ngoại hơn với thế giới bên ngoài, trong đó có với Trung Quốc; cũng như khá đề cao tính độc lập, tự chủ của mình trong quan hệ quốc tế.

Chủ nghĩa biệt lập và bài ngoại của Myanmar được thể hiện khá rõ nét từ sau khi nước này giành được độc lập năm 1948. Các nhà lãnh đạo Myanmar, nhất là giới quân sự cầm quyền tại nước này cho rằng, Myanmar theo đuổi con đường trung lập, không liên kết là phù hợp với sự đối đầu hai cực Mỹ - Xô trong Chiến tranh Lạnh và khá phù hợp với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn hiện nay như cạnh tranh Mỹ - Trung, Trung - Ấn. Chính vì vậy, Myanmar đã và đang cố gắng kiềm chế tham gia vào vấn đề chính trị khu vực và thế giới, nhất là trong các liên minh, liên kết, tập hợp lực lượng do các nước lớn đứng đầu tổ chức và chi phối.

Mặc dù vậy, quan hệ giữa Myanmar và Trung Quốc nói chung, cách ứng xử của Myanmar với Trung Quốc nói riêng diễn ra khá hòa bình và trôi chảy. Điều này không chỉ tác động từ mối quan hệ láng giềng truyền thống lâu đời cả từ ngoại giao nhà nước đến quan hệ tộc người, văn hóa và thương mại, mà quan trọng không kém là giới lãnh đạo Myanmar nhìn thấy lợi ích an ninh và kinh tế từ phía Trung

Quốc trong việc duy trì quyền lực của mình tại đất nước. Trung Quốc cũng hiểu rõ tầm quan trọng của Myanmar trong chiến lược mở rộng ảnh hưởng của mình, chống lại sức ép cạnh tranh chiến lược từ các đối thủ khác, trong đó có Mỹ. Không phải ngẫu nhiên, Myanmar là một trong những nước đầu tiên công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ngay sau khi chính thể này được thiết lập. Mỗi quan hệ giữa hai nước tuy có suy giảm trong thập niên 60 - 80 của thế kỷ XX do thi hành chính sách trung lập cực đoan, hướng biệt lập, bài ngoại của chính quyền quân sự⁽¹⁾, nhưng về cơ bản vẫn không đứt quãng. Trong thời gian này, Trung Quốc sử dụng nhiều đòn bẩy khác nhau để gây sức ép với chính quyền quân sự Myanmar, trong đó hậu thuẫn cho các lực lượng ly khai, dân tộc thiểu số sống gần biên giới hai nước chống lại chính phủ cầm quyền Myanmar⁽²⁾. Tuy nhiên, từ cuối những năm 80 của thế kỷ XX cho tới nay, quan hệ Myanmar - Trung Quốc trở nên gắn kết hơn bởi thiện chí và tính thực dụng từ hai phía. Trung Quốc nhìn thấy tầm quan trọng của Myanmar trong công cuộc cải cách, mở cửa, hướng ngoại, mở rộng ảnh hưởng của mình. Còn chính quyền quân sự Myanmar cũng cho rằng, nếu không có quan hệ với Trung Quốc, một láng giềng khổng lồ đang trỗi dậy, có nhiều vấn đề liên quan đến mối liên hệ sắc tộc xuyên biên giới thì khó có thể duy trì được an ninh, ổn định cũng như phát triển kinh tế, duy trì chế độ cầm quyền của mình. Trung Quốc là một trong số những quốc gia ít ỏi không lên án hành vi đàn áp của chính quyền quân sự Myanmar đối với cuộc nổi dậy của dân chúng (trước hết là sinh viên) năm 1988 và không thực hiện chính sách cô lập, cấm vận như thế giới phương Tây áp đặt cũng như

rút lại sự ủng hộ của mình đối với Đảng Cộng sản Miến Điện (CPB), cung cấp vũ khí và ủng hộ Myanmar về mặt ngoại giao trên các diễn đàn quốc tế⁽³⁾. Đáp lại, Myanmar mở rộng quan hệ với Trung Quốc, cho phép nước này ký hàng loạt dự án đầu tư, mở cửa biên giới⁽⁴⁾, v.v...

Chế độ quân sự của Myanmar coi những mối quan hệ song phương chặt chẽ này là cần thiết, nhưng đây cũng là nguyên nhân gây ra sự lo lắng trong mối quan hệ "bất cân đối" giữa hai bên. Myanmar vẫn luôn lo lắng vấn đề Trung Quốc hậu thuẫn các lực lượng phiến quân sắc tộc ở biên giới, quấy nhiễu vùng biên đầy bất ổn và nghèo đói của Myanmar nhằm gây sức ép buộc chính quyền Myanmar phải nghe theo những đề nghị từ Bắc Kinh⁽⁵⁾. Chính điều này làm cho Myanmar trở nên thận trọng, áp dụng chính sách cân bằng trong quan hệ với các nước lớn bằng cách tham gia ASEAN (năm 1997), duy trì quan hệ hợp tác với Nga, thúc đẩy quan hệ với Ấn Độ, Nhật Bản và cải thiện quan hệ với phương Tây để hạn chế hay tránh phụ thuộc lớn vào Trung Quốc và thực hiện cải cách kinh tế, thúc đẩy dân chủ hóa xã hội theo hướng nhà nước dân sự. Quá trình này diễn ra khá nổi bật trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI. Tuy nhiên, chính sách "cân bằng" trong quan hệ với các nước lớn trong giai đoạn này cũng không thật sự rõ ràng. Sức ép từ hai phía, cả từ Trung Quốc và phương Tây đều gia tăng, nên chính quyền Myanmar cùng lúc vừa thực hiện chính sách cân bằng, vừa "phòng bị nước đôi". Tuy nhiên, từ sau cuộc đảo chính quân sự vào đầu năm 2021, chính sách cân bằng nước lớn hầu như bị chững lại. Chính quyền quân sự mới dường như quay lại chính sách "phù thịnh", dựa vào Trung Quốc để duy trì sự cầm quyền của mình.

Từ mối quan hệ của Myanmar với Trung Quốc nói chung, cách ứng xử nói riêng có thể đưa ra nhận định rằng, chủ nghĩa biệt lập, trung lập không liên kết là một biểu hiện khá rõ nét, có tính truyền thống của Myanmar trong lịch sử. Tuy vậy, trong quan hệ với Trung Quốc, Myanmar cơ bản thể hiện thái độ tương đối thân thiện và luôn coi nước này là nhân tố quan trọng hàng đầu đối với an ninh và phát triển của đất nước. Điều này chế định bởi sự tương đối giống nhau về lợi ích của giới cầm quyền ở hai nước cũng như sự ràng buộc về điều kiện dân tộc và địa lý. Mặc dù vậy, từng giai đoạn, thời điểm khác nhau, chính quyền Myanmar cũng áp dụng chính sách “cân bằng” hay “phòng bị nước đôi” trong quan hệ với Trung Quốc, nhất là trong hai thập niên đầu của thế kỷ XXI.

2. Kinh nghiệm sống cạnh Trung Quốc của Mông Cổ

Từ khi nước Cộng hòa nhân dân Mông Cổ ra đời, nước này về cơ bản thực hiện chính sách hữu nghị và hợp tác với các nước láng giềng và cân bằng trong quan hệ với Liên Xô, sau đó là Nga và Trung Quốc, cho dù trong từng giai đoạn, nhất từ giữa những năm 60 đến đầu những năm 80 của thế kỷ XX khi quan hệ Liên Xô - Trung Quốc xấu đi thì Mông Cổ áp dụng chính sách “phù thiện” thân Liên Xô, có phần lạnh nhạt với Trung Quốc. Từ sau Chiến tranh Lạnh, chính sách hữu nghị láng giềng, cân bằng trong quan hệ với Nga và Trung Quốc, nỗ lực mới gia tăng quan hệ với phương Tây của Mông Cổ được biểu hiện khá rõ nét. Tuy nhiên, trong quan hệ với Trung Quốc, Mông Cổ còn áp dụng cả chính sách “phòng bị nước đôi”. Có lẽ người Mông Cổ trong thời hiện đại ý thức được rằng mình là nước nhỏ (có 8 triệu dân) nằm kẹp giữa hai nước lớn là Trung Quốc và Nga, lại là nước

nằm sâu trong lục địa, không có biển, tiềm lực kinh tế và quân sự yếu, phụ thuộc xuất nhập khẩu từ hai nước láng giềng khổng lồ này⁽⁶⁾ và đồng thời là địa bàn tranh giành ảnh hưởng giữa các nước lớn, kể cả phương Tây, nên khiến Mông Cổ không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đối xử tốt với cả hai nước láng giềng. Tuy nhiên, hiện nay người Mông Cổ vẫn cảnh giác với Trung Quốc do Trung Quốc đang có những yêu sách về lãnh thổ cũng như những ký ức về sự đàn áp, phân biệt, đối xử bất công và đồng hóa của người Trung Quốc đối với họ trong lịch sử⁽⁷⁾. Do đó, chính quyền Mông Cổ có phần thi hành chính sách phòng bị nước đôi, trong đó có việc duy trì quan hệ tốt với Nga, nỗ lực cải thiện quan hệ với phương Tây, Nhật Bản, Hàn Quốc, v.v... Như vậy, hành động cân bằng kép và thái độ cảnh giác với Trung Quốc cũng làm cho quan hệ Mông Cổ - Trung Quốc ít có những bước tiến mang tính đột phá⁽⁸⁾.

Để khai thác các nguồn lực từ sự trỗi dậy của Trung Quốc, nhất là về kinh tế, năm 2013, chính quyền Mông Cổ đã ký “Đề cương phát triển trung và dài hạn của quan hệ đối tác chiến lược Trung Quốc - Mông Cổ” và đến năm 2014, nhân chuyến thăm cấp nhà nước của Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình, hai nước đã nâng quan hệ lên “đối tác chiến lược toàn diện”⁽⁹⁾. Trong nỗ lực củng cố mối quan hệ với Bắc Kinh, Mông Cổ đã tham gia chương trình Hành lang kinh tế Trung Quốc - Mông Cổ - Nga thuộc Sáng kiến Vành đai và Con đường vào năm 2016. Từ thời gian này, các nguyên thủ quốc gia hai nước thường xuyên thăm viếng lẫn nhau.

Bên cạnh đó, Mông Cổ ngày càng trở nên trung lập về quan hệ chính trị, an ninh và quân sự. Dù có nỗ lực mở rộng quan hệ kinh tế với Trung Quốc, Nga và phương

Tây, Mông Cổ không tham gia vào một khối quân sự nào, không phải là thành viên chính thức của Tổ chức Hợp tác Thượng Hải (SCO) do Trung Quốc nắm vai trò chủ đạo cho dù Mông Cổ từ năm 2004 là quan sát viên của tổ chức này và không tham gia vào Liên minh Kinh tế Á - Âu (EEU) do Nga nắm vai trò chi phối. Trong khi đó, Mông Cổ coi Nga là nhà cung cấp an ninh, trong khi coi Trung Quốc là một cơ hội kinh tế. Hiện nay, Mông Cổ đang theo đuổi sự trung lập bất chấp những nỗ lực của các nước láng giềng nhằm tạo ra tam giác hợp tác Trung-Nga-Mông Cổ chống phương Tây⁽¹⁰⁾.

Mông Cổ từ thế kỷ XIV - XV đã nhận thức được rằng, mình là nước nhỏ, có dân số ít, nhưng khá rộng lớn về đất đai và giàu tài nguyên, nhưng lại nằm kẹt giữa hai nước phát triển hơn nhiều và có tư tưởng nước lớn là Trung Quốc và Nga. Hơn nữa, Mông Cổ ngày càng phụ thuộc thương mại và đầu tư vào Trung Quốc và an ninh quân sự và năng lượng từ phía Nga nên Mông Cổ từ thế kỷ XIV - XV, nhất là từ sau Chiến tranh Lạnh, về cơ bản theo đuổi chính sách củng cố và duy trì quan hệ láng giềng hữu nghị, cân bằng nước lớn, đan xen với phòng bị nước đôi. Từ thập niên 90 của thế kỷ XX khi quan hệ Nga - Trung Quốc cải thiện và thắt chặt hơn, thái độ phòng bị nước đôi với Trung Quốc có phần giảm đi. Trong khi đó, chính sách không liên kết về quân sự, an ninh, chiến lược cân bằng nước lớn tăng lên. Điều này được thể hiện bằng việc Mông Cổ cùng lúc hoan nghênh và mở rộng hợp tác kết nối năng lượng, giao thông với cả Trung Quốc và Nga, đồng thời mở rộng quan hệ an ninh quốc phòng với cả hai nước láng giềng này. Để thực hiện chiến lược cân bằng trong quan hệ với Trung Quốc và Nga, Mông Cổ đã và theo dõi chiến lược đa phương hóa,

đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, tăng cường mở rộng hợp tác với phương Tây, trong đó có EU, Mỹ và các nước tư bản khác ở Đông Á như Nhật Bản và Hàn Quốc. Đây có thể tạm gọi là chiến lược "cân bằng kép", vừa duy trì quan hệ tốt với hai nước láng giềng là Nga và Trung Quốc, vừa tìm kiếm nhân tố khác, ví dụ như Mỹ hay Nhật Bản như "các nước láng giềng thứ ba" để thực hiện mục tiêu chiến lược của mình.

3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ kinh nghiệm ứng xử của các nước nhỏ trong quan hệ với các nước lớn láng giềng, cụ thể là quan hệ giữa Myanmar và Mông Cổ với Trung Quốc, có thể liên hệ với thực tiễn đối ngoại của Việt Nam và hàm ý một số chính sách như sau:

Trước hết là sự linh hoạt trong điều chỉnh mục tiêu, định hướng đối ngoại. Trước năm 1975, mục tiêu chính của đối ngoại Việt Nam là nhằm tập hợp lực lượng, tranh thủ sự ủng hộ, các nguồn lực từ bạn bè quốc tế, nhất là từ các nước XHCN và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới để bảo vệ thành quả Cách mạng Tháng Tám, chống Pháp và chống Mỹ, xây dựng CNXH ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, khẳng định tính chính danh của mình trên trường quốc tế. Từ sau năm 1975, nhất là từ khi đất nước tiến hành Đổi mới (từ 1986) đến nay, đối ngoại Việt Nam ngoài việc tiếp tục góp phần bảo vệ tổ quốc, chống xâm lược, can thiệp từ bên ngoài, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế để hàn gắn vết thương chiến tranh, mục tiêu đặt ra là phá thế bao vây, cấm vận và sau tập trung phát huy các nguồn lực từ bên ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy hội nhập quốc tế trên các mặt, đồng thời từng bước nâng tầm vị thế, uy tín quốc gia trên trường quốc tế. Hiện nay, Việt Nam đang

tập trung phát triển kinh tế số, kinh tế xanh, cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và khoa học - công nghệ tiên tiến, góp phần khẳng định vị thế cường quốc tầm trung của Việt Nam, có vai trò, vị thế lớn hơn trên trường quốc tế, trước hết là ở khu vực Đông Nam Á. Thông qua thực tiễn của Việt Nam, thì bài học từ các nước đã tham khảo trên lần nữa khẳng định sự đúng đắn, sáng tạo của đường lối và chính sách đối ngoại của Việt Nam.

Tiếp theo là bài học độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, cân bằng chiến lược trong quan hệ với các nước lớn và củng cố, tăng cường quan hệ với các nước láng giềng, chọn chính nghĩa, không chọn bên. So sánh với kinh nghiệm của Myanmar và Mông Cổ thì Việt Nam đã thành công và khẳng định đường lối, chính sách đối ngoại của mình là đúng đắn. Dưới thời Chiến tranh Lạnh, vì mục tiêu tối thượng là đánh đổ thực dân, đế quốc, giành độc lập dân tộc, Việt Nam đã chọn bên, chọn phe XHCN. Từ sau Chiến tranh Lạnh, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào hệ thống toàn cầu và xu hướng đa cực, đa trung tâm tăng lên. Cùng với sự gia tăng cạnh tranh giữa các nước lớn, nhất là cặp Mỹ - Trung Quốc, thì Việt Nam chọn chính nghĩa, không chọn bên, thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động hội nhập quốc tế một cách toàn diện và sâu rộng, là bạn, đối tác tin cậy và trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Điều này được thể hiện rõ nét bằng chính sách “bốn không”: không tham gia liên minh quân sự không liên kết với nước này để chống nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Đồng thời, Việt Nam luôn chú trọng và đề cao việc củng cố, tăng cường quan hệ với các nước láng giềng. Kinh nghiệm và thực tiễn lịch sử cho thấy, do sự minh định của địa lý, lịch sử, truyền thống văn hóa đối ngoại và nhu cầu duy trì an ninh để tồn tại và phát triển, Việt Nam từ trong lịch sử vừa kháng cự quyết liệt chống lại xâm lược, vừa thực hiện ngoại giao mềm dẻo, hòa hiếu, thông hiếu với lân bang, tranh thủ, mở rộng hợp tác với các nước láng giềng nhằm bảo vệ và xây dựng đất nước. Điển hình là trong quan hệ với Trung Quốc. Do sự bất tương xứng về sức mạnh quốc gia so với Trung Quốc và luôn bị chính quyền phong kiến nước này xâm lược, Việt Nam một mặt kháng cự quyết liệt chống xâm lược và cai trị của họ, mặt khác, thực hiện chính sách ngoại giao mềm dẻo, hòa hiếu, trong đó có “ngoại giao sách phong”, “ngoại giao triều cống”⁽¹¹⁾. Trong quan hệ với Lào và Campuchia, Việt Nam còn áp dụng thêm “ngoại giao hôn nhân hay hôn nhân chính trị”⁽¹²⁾. Đây là hình thức ngoại giao đặc thù không chỉ nhằm bảo vệ biên cương của Tổ quốc mà còn thể hiện sự tôn trọng đối với các nước láng giềng, cũng như để khẳng định quyền lực chính danh của mình trong trị vì đất nước và bang giao quốc tế⁽¹³⁾.

Trong lịch sử chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, giải phóng dân tộc, Đảng và Nhà nước cách mạng Việt Nam đã chủ động tập hợp, đoàn kết với các lực lượng yêu nước Lào, Campuchia lập nên “Liên minh chiến đấu 3 nước Đông Dương”, hợp tác, tranh thủ sự giúp đỡ, ủng hộ mạnh mẽ từ phía Đảng cộng sản Trung Quốc và nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa. Sự khai thông biên giới với Trung Quốc từ năm 1951 và tạo dựng thành công “Đường mòn Hồ Chí Minh” trên đất liền và biển⁽¹⁴⁾ - con đường huyền thoại là một minh chứng về chiến lược quân

sự và ngoại giao láng giềng khôn khéo của Việt Nam và chúng góp phần làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử năm 1975, giành độc lập hoàn toàn cho ba nước Đông Dương.

Từ khi Đổi mới đến nay, nhất là từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, Việt Nam đã chủ động bình thường hóa, nối lại và phát triển mối quan hệ truyền thống với Trung Quốc, không ngừng củng cố quan hệ hữu nghị hợp tác láng giềng với Lào và Campuchia và các nước khác trong ASEAN. Điều này góp phần quan trọng giúp Việt Nam phá dỡ thế bao vây, cấm vận, đưa Việt Nam hội nhập có hiệu quả vào hệ thống kinh tế khu vực và toàn cầu, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thực tiễn lịch sử cho thấy, muốn giữ nước một cách vững bền từ sớm và từ xa thì trước hết phải dành ưu tiên phát triển quan hệ hữu nghị với các láng giềng. Trung Quốc là nước láng giềng khổng lồ của Việt Nam, đang trỗi dậy, có tầm ảnh hưởng lớn đến cục diện khu vực và thế giới, liên quan trực tiếp đến an ninh và phát triển của Việt Nam, nhất là tham vọng độc chiếm Biển Đông của nước này. Trong khi đó, Lào và Campuchia là hai nước láng giềng phía Tây, là địa bàn chiến lược, quan trọng sống còn của Việt Nam cho dù ở Campuchia vẫn tồn tại tư tưởng phục hồi lãnh thổ. Còn ASEAN và các nước thành viên là tổ chức của những người "cùng hội, cùng thuyền", là cộng đồng bao gồm những người láng giềng khu vực của Việt Nam. Lịch sử đã chứng minh rằng, Việt Nam tham gia và ngày càng tích cực xây dựng, hoàn thiện Cộng đồng ASEAN không chỉ góp phần củng cố môi trường hòa bình, sự đoàn kết, thúc đẩy hợp tác, liên kết nội khối, mà còn tạo điều kiện cho Việt Nam thực hiện chính

sách đa phương hóa, hội nhập quốc tế và đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền quốc gia thuận lợi hơn, trong đó có việc củng cố và tăng cường quan hệ với Trung Quốc, Lào và Campuchia. Hơn nữa, trong số các nước ASEAN thì nhiều nước liên quan đến vấn đề nguồn nước sông Mekong và tranh chấp Biển Đông⁽¹⁵⁾. Nếu như quan hệ một trong các thực thể trên đối với Việt Nam xấu đi thì không gian, môi trường chiến lược cho an ninh và phát triển của Việt Nam sẽ bị đe dọa. Chính vì vậy, Việt Nam đang không ngừng củng cố, tăng cường quan hệ với các nước láng giềng của mình và coi đây là một ưu tiên hàng đầu, là trọng tâm triển khai chính sách đối ngoại hiện nay và trong thời gian tới.

Kết luận

Qua nghiên cứu kinh nghiệm sống cạnh nước lớn là Trung Quốc của Myanmar và Mông Cổ, có thể thấy, nhận thức và hành động của một nước nhỏ trong duy trì và củng cố quan hệ với nước lớn láng giềng là hết sức quan trọng. Cả hai nước đều nằm trong tầm ảnh hưởng của các nước lớn, đều coi trọng, duy trì, củng cố quan hệ hữu nghị và hợp tác với nước lớn láng giềng. Điều này đã giúp cho mối quan hệ giữa các nước đó khá ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Bên cạnh đó, độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động thích ứng trước sự biến động của môi trường quốc tế, trong đó có sự điều chỉnh chính sách của các nước lớn láng giềng cũng là những kinh nghiệm quý báu của các nước nhỏ. Mông Cổ là nước thực hiện khá tốt trong chiến lược "cân bằng kép", vừa duy trì quan hệ tốt với hai nước láng giềng là Nga và Trung Quốc, vừa tìm kiếm nhân tố khác, ví dụ như Mỹ hay Nhật Bản như "các nước láng giềng thứ

ba”, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế. Trong khi đó Myanmar vẫn duy trì chính sách khá biệt lập, không liên kết, coi Trung Quốc là chỗ dựa quan trọng nhất trong đối ngoại, chưa thực sự thực hiện chính sách đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Những bài học rút ra từ ứng xử của Myanmar và Mông Cổ với Trung Quốc đã và đang chứng minh sự đúng đắn, linh hoạt, uyển chuyển nhưng có nguyên tắc của nền ngoại giao Việt Nam trong kỷ nguyên đổi mới, hội nhập và vươn mình của dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam.

CHÚ THÍCH VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Từ năm 1962, Tướng Ne Win tiến hành đảo chính, lên cầm quyền tiến hành quốc hữu hóa mọi hoạt động kinh doanh tư nhân (trừ nông nghiệp) và cổ xúy chủ nghĩa bài ngoại nhắm vào những người nhập cư Trung Quốc và Ấn Độ. Đồng thời ông cũng cấm mọi hoạt động thương mại xuyên biên giới với các nước láng giềng, bao gồm cả với Trung Quốc. Mối quan hệ song phương xuống mức thấp nhất khi Tướng Ne Win cáo buộc Trung Quốc khuếch tán tư tưởng Cách mạng Văn hoá của Mao Trạch Đông ở Myanmar khiến các cuộc bạo loạn liên tiếp nổ ra ở Yangon vào năm 1967.
 2. Đáp lại, Trung Quốc đã nhanh chóng bắt đầu công khai ủng hộ cuộc nổi dậy của Đảng Cộng sản Miến Điện (CPB), đẩy mâu thuẫn giữa đảng ly khai với chính phủ lên cao độ. Đến năm 1973, CPB đã chiếm hầu hết các khu vực của bang Shan giáp Trung Quốc. Trong mười lăm năm tiếp theo, CPB vẫn là mối đe dọa nổi dậy lớn nhất đối với Myanmar, đè nặng lên quan hệ song phương giữa Myanmar và Trung Quốc.
- Crisis Group Asia Report N°177, *China's Myanmar Dilemma*, 14 September 2009, Section II.B.
- Văn Cường (2016). “Trung Quốc - Myanmar: Cần hướng tới một mối quan hệ theo chuẩn mực quốc tế”, *nghiencuubiendong.vn*, 26/3/2016.
- Mitchell, Derek; Twining, Daniel, *China's Role in Myanmar's Internal Conflicts*, USIP Senior Study Group, Final Report.
6. Mông Cổ nhập khẩu 95% dầu mỏ và hơn 20% điện từ Nga. Trung Quốc vẫn là đối tác thương mại lớn nhất của Mông Cổ, mua 84% lượng hàng xuất khẩu của nước này. Xem: Junhua Zhang (2024), “Sino-Mongolian relations shrouded in resentment”, November 13, <https://www.gisreportsonline.com/r/sino-mongolian-relations/>, truy cập ngày 12/12/2024.
 7. Green, E. E. (1986), “China and Mongolia: Recurring Trends and Prospects for Change”, *Asian Survey*, 1337-1363.
 8. Junhua Zhang (2024), tldd.
 9. 图门其其格, 韩梅 (2021), 中蒙全面战略伙伴关系与“一带一路”战略机遇 (Đồ Môn Kỳ Kỳ Cát, Hàn Mai (2021), Quan hệ đối tác chiến lược toàn diện Trung Quốc - Mông Cổ và cơ hội chiến lược từ sáng kiến ‘Vành đai và Con đường’), <https://www.sinoss.net/uploadfile/2015/1231/20151231094745428.pdf>, truy cập ngày 20/12/2024.
 10. Patrick Wintour (2022), “Mongolia under pressure to align with Russia and China”, 31 May, <https://www.theguardian.com/world/2022/may/31/mongolia-under-pressure-to-align-with-russia-and-china>, truy cập ngày 12/01/2025.
 11. Phan Huy Chú (1961). *Lịch triều hiến chương loại chí*, Tập IV, Nxb Sử học, tr. 196.)
 12. Năm 1306, vua Trần Anh Tông đã chấp thuận gả công chúa Huyền Trân cho vua Champa là Chế Mân (Jaya Sinharmān III) để được nhận sính lễ hai vùng đất châu Ô và châu Rí (từ bắc Quảng Trị đến bắc Quảng Nam) vào đất Đại Việt.
 13. Tran Khanh (2020). Vietnam's geostrategic actions under feudal times, *The Russian journal of Vietnamese studies*, Series 2, No. 4.
 14. Trong thời gian từ 1953 đến 1970, chính phủ của Vương quốc Campuchia do N. Sihanouk đứng đầu đã cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mượn cả đường biển, thông qua các cảng biển của Campuchia, nhất là qua cảng Sihanoukville (Phương Tây thường gọi con đường này là “Đường mòn Sihanouk”) để vận chuyển vũ khí nhu yếu phẩm cho chiến trường miền Nam.
 15. Thái Lan và Myanmar cũng là những nước có dòng sông Mekong chảy qua. Còn các nước như Philippines, Indonesia, Malaysia và Thái Lan có vùng chồng lấn trên biển với Việt Nam.